

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG MẦM NON TÂN HƯNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Mầm non Tân Hưng

Năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	1,4 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	00	-
3	Phòng học tạm	00	-
4	Phòng học nhờ	00	-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2.034,8	3,62 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	657,87	1,17 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	797,139	1,4 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	/	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	148,74	0,26 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	782,92	1,4 m ² /trẻ em
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	58,8	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	58,8	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	58,8	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	14	14 bộ/14 nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	7 bộ	7 bộ/6 sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	24	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	15	1
2	Máy PHOTO COPY	01	
3	Thiết bị khác (Âm thanh, tài sản lớn)	13	
4	Bàn ghế đúng quy cách	Bàn: 300 cái Ghế: 630 cái	
5	Camera an ninh	01 bộ	
6	Loa phát thanh	01 bộ	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3	14		0,26	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

Nơi nhận:

- CB-GV-NV;
- Cha mẹ học sinh;
- Lưu: VT

Quận 7, Ngày 20 tháng 6 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Tô Ngọc Dung